

Số: ~~2052~~/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-TTg ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 171/TTr-SNN ngày 22/7/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan căn cứ tiêu chí, chỉ tiêu được phân công phụ trách để ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí và quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2. UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Vĩnh Linh, Gio Linh tập trung chỉ đạo các xã lựa chọn thôn, bản để triển khai thực hiện Bộ tiêu chí; chịu trách hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

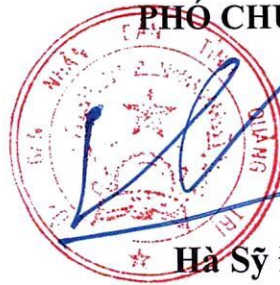
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng điều phối NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh,
- Lưu: VT, TH. *TC*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

## BỘ TIÊU CHÍ

**THÔN, BÀN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THUỘC CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số **2052/QĐ-UBND** ngày **08/8/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ đường trục thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 80\%$	Sở Giao thông vận tải
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	$\geq 80\%$	
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	$\geq 60\%$	
2	Thủy lợi	2.1. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	
3	Điện	3.1. Hệ thống điện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn	Đạt	Sở Công Thương
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
4	Văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Hàng rào nhà văn hóa, khu thể thao khuyến khích được trồng bằng cây xanh hoặc được phủ cây xanh)	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	
5	Thông tin - truyền thông	5.1. Có hệ thống loa được kết nối với đài truyền thanh xã (hữu tuyến hoặc vô tuyến) hoạt động tốt, thường xuyên cung cấp thông tin đến người dân trong thôn, bản	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		5.2. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản có phương tiện nghe, nhìn để tiếp cận thông tin	$\geq 85\%$	
6	Nhà ở dân cư	6.1. Không còn nhà tạm, dột nát	Đạt	Sở Xây dựng
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 75\%$	
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản ( <i>triệu đồng/ người/năm</i> )	Năm 2022: 25 Năm 2023: 27 Năm 2024: 29 Năm 2025: 31	Cục Thống kê
8	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	Đạt <sup>1</sup>	Sở Lao động Thương binh Xã hội

<sup>1</sup> Sau khi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới, Sở Lao động Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quy định “Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025” và chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá thực hiện đối với tiêu chí này.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
9	Lao động	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 15\%$	Sở Lao động Thương binh Xã hội
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất tập trung, hiệu quả; đặc biệt ưu tiên phát triển các loại cây trồng con nuôi chủ lực của địa phương.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Giáo dục	11.1. Phổ cập giáo dục mầm non; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	$\geq 70\%$	
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 90\%$	Sở Y tế
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 25\%$	
13	Môi trường	13.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các nguồn.	- Thôn của xã khu vực I, II và thôn ĐBKK $\geq 30\%$ ; - Thôn của xã khu vực III $\geq 20\%$ .	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.2. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	$\geq 60\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
		13.4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Y tế
		13.6. Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các điểm dân cư tập trung.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		13.7. Có tổ/nhóm thu gom chất thải rắn sinh hoạt hoạt động đảm bảo hoặc có điểm thu gom/trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường và có đơn vị đến thu gom vận chuyển, xử lý đúng quy định.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
14	Hệ thống chính trị và Quốc phòng an ninh	14.1. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Sở Nội vụ
		14.2. Chi bộ được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	
		14.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên	Đạt	
		14.4. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới.	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
		14.5. Không phát sinh tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Công an tỉnh
		14.6. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.	Đạt	

**DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN  
VÀ CÁC THÔN THUỘC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ  
GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2052/QĐ-UBND** ngày **08/8/2022**  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Huyện	Xã	Số thôn của xã
<b>I</b>	<b>CÁC THÔN THUỘC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>		
<b>1</b>	<b>Huyện Hướng Hóa (14 xã- 94 thôn)</b>	Hướng Lập	5
		Hướng Phùng	13
		Hướng Việt	4
		Hướng Sơn	6
		Hướng Linh	5
		Hướng Lộc	6
		Hướng Tân	7
		Ba Tầng	7
		Thanh	6
		A Dơi	6
		Xy	3
		Lìa	10
		Húc	8
		Thuận	8
<b>2</b>	<b>Đakrông (10 xã -65 thôn)</b>	Húc Nghi	4
		Hướng Hiệp	7
		Đakrông	8
		Tà Rụt	7
		A Vao	6
		A Ngo	7
		A Bung	9
		Tà Long	8
		Mò Ó	4
		Ba Nang	5
<b>3</b>	<b>Vĩnh Linh (02 xã -10 thôn)</b>	Vĩnh Ô	7
		Vĩnh Khê	3
<b>4</b>	<b>Gio Linh (1 xã- 9 thôn)</b>	Linh Trường	9
	<b>Tổng cộng</b>		<b>178</b>



STT	Huyện	Xã	Số thôn của xã
<b>II</b>	<b>CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>		
<b>1</b>	<b>Huyện Hương Hóa (3 xã – 6 thôn)</b>	Tân Hợp	1 thôn
		Tân Lập	3 thôn ( Bản Bù, Bản Cồn, Bản Làng Vây)
		Tân Long	2 thôn (Xi Núc, Làng Vây)
		Tân Thành	1 thôn (Hà Lệt)
<b>2</b>	<b>Huyện Đakrông ( 1 xã- 2 thôn)</b>	Ba Lòng	2 thôn (Mai Sơn- Thôn 5)
<b>3</b>	<b>Huyện Cam Lộ (1 xã- 1 thôn)</b>	Cam Tuyên	1 thôn (Bản Chùa)
<b>4</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh (1 xã – 2 thôn)</b>	Vĩnh Hà	2 thôn ( Thôn Khe Hó Trù, Thôn Bãi Hà Mới)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>